

Thanh khoản sụt giảm

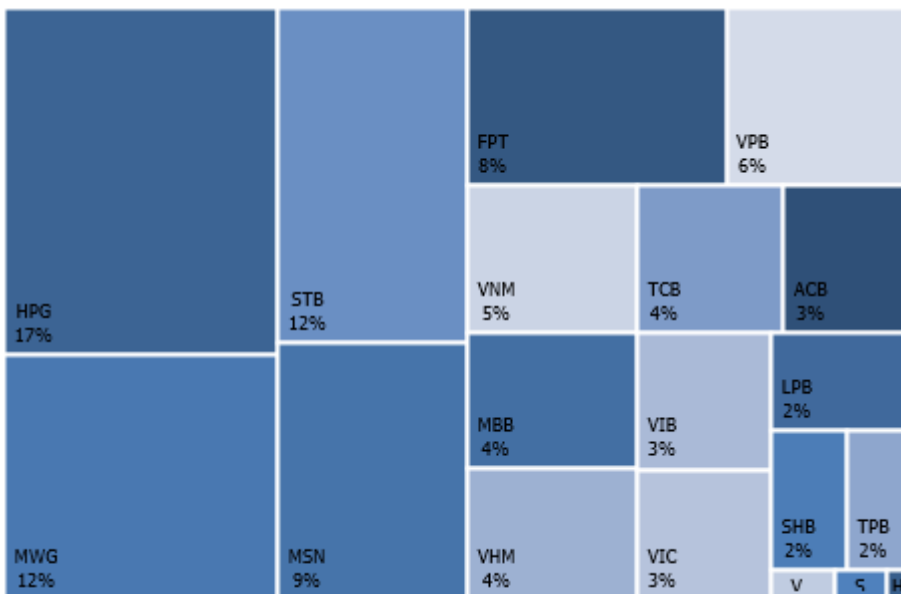
Trong tuần 39, thanh khoản trên thị trường đảo chiều ghi nhận giảm. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 223.1 triệu chứng quyền/490.2 tỷ đồng, giảm lần lượt 34.6%/42.3% so với tuần liền trước.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, HPG và MWG là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 29% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như STB, MSN, GPT, VPB và VNM.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CLPB2508 (+85.2%), CVRE2520 (+61.1%) và CVRE2518 (+47.7%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CVRE2513 (-65.1%), CVNM2503 (-54.0%) và CMSN2518 (-53.2%).

Trong tuần vừa qua, thị trường chứng quyền thể hiện sự thận trọng khi thanh khoản có dấu hiệu sụt giảm so với tuần trước. Tuy vậy, điểm tích cực là số lượng chứng quyền tăng giá vẫn chiếm ưu thế, cho thấy dòng tiền tuy chưa thực sự mạnh mẽ nhưng vẫn đang có sự chọn lọc và tập trung vào các mã tiềm năng. Dựa trên kết quả định giá bằng mô hình Black-Scholes, một số mã chứng quyền đang được định giá thấp (undervalued), nổi bật gồm: CVIC2507, CVIC2508 và CVHM2515. Ở hướng ngược lại, các mã như CVHM2520, CVPB2510 và CVRE2521 đang trong trạng thái bị định giá cao (overvalued), theo thống kê trên tổng số 245 mã chứng quyền được định giá.

Hình 1. Giá trị giao dịch của CW theo TSCS



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 1. Thống kê thị trường

Chứng quyền	245
Khối lượng giao dịch (tr.CQ)	223
Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	490
CW tăng giá	162
CW giảm giá	74
CW tham chiếu	9

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 2. Định giá chứng quyền

Chứng quyền	245
Định giá thấp	21
Định giá cao	224

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 3. Top CW định giá thấp

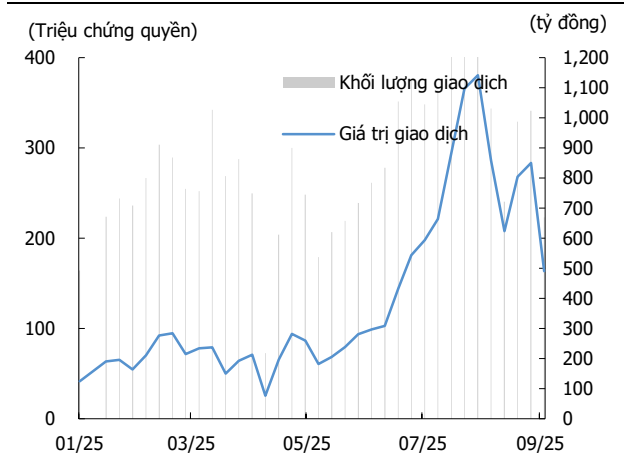
Mã	Giá thị trường	Giá nội tại	Chênh lệch
CVIC2507	17,300	21,075	(3,775)
CVIC2508	18,070	20,684	(2,614)
CVHM2515	5,600	7,691	(2,091)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Ghi chú: Tính đến cuối phiên thứ Sáu gần nhất

Phòng phân tích

Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Khối lượng và giá trị giao dịch CW

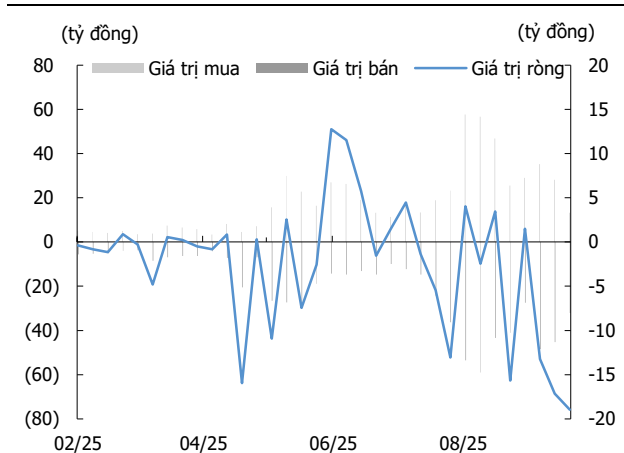
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 4. Top 10 giá trị giao dịch

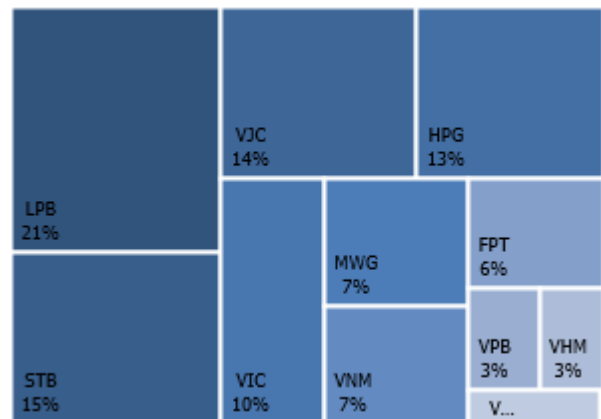
(đồng, % tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Giá trị giao dịch
CSTB2520	19/03/2026	3,600	12.5	20.4
CSTB2515	18/05/2026	6,040	10.8	18.1
CHPG2504	23/10/2025	2,880	23.0	14.0
CMWG2511	18/05/2026	3,380	6.0	13.6
CFPT2512	09/04/2026	1,070	(21.3)	13.2
CHPG2520	11/12/2025	3,630	4.9	13.1
CMWG2509	08/01/2026	3,360	15.4	12.8
CMWG2407	31/10/2025	1,650	12.2	9.4
CHPG2518	18/05/2026	2,910	3.6	9.2
CHPG2406	24/10/2025	1,690	3.7	8.0

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 3. Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Hoạt động giao dịch nước ngoài theo TSCS

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. Top 3 nước ngoài mua ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CLPB2505	02/01/2026	3,340	9.6	0.89	(0.30)	0.59
CHPG2527	30/04/2026	1,450	(17.1)	0.54	(0.06)	0.47
CSTB2518	09/12/2025	2,910	(18.0)	0.58	(0.19)	0.39

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 6. Top 3 nước ngoài bán ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CVIC2511	30/04/2026	7,460	11.3	0.03	(3.87)	(3.84)
CSHB2509	01/04/2026	2,940	(6.2)	0.09	(2.51)	(2.42)
CHPG2516	19/02/2026	1,290	(26.9)	0.52	(2.78)	(2.26)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 7. CW và TSCS

(Tỷ đồng, % tuần, Tỷ đồng, Chứng quyền)

TSCS	Tên	Ngành	Vốn hóa	Sở hữu nước ngoài	Số chứng quyền	Vốn hóa CW	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	131,755.2	30.0%	8	135,290.0	16.4	7,502,200.0
BCM	Becamex IDC	Bất động sản	70,069.5	2.2%				
BID	BIDV	Tài chính	284,716.2	17.4%				
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	41,941.2	27.1%				
CTG	VietinBank	Tài chính	272,258.6	26.3%				
FPT	FPT Corp	CNTT	166,091.9	36.9%	18	80,038.0	40.9	44,301,701.0
GAS	PV Gas	DV tiện ích	148,396.4	1.7%				
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	114,000.0	0.4%				
HDB	HDBank	Tài chính	105,376.1	17.0%	2	8,960.0	0.6	397,700.0
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	219,134.6	19.0%	27	497,249.0	84.4	36,486,100.0
MBB	MBBank	Tài chính	211,443.7	22.3%	15	695,704.0	20.5	4,952,102.0
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	118,854.3	24.6%	14	230,120.0	43.2	23,476,097.0
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	115,171.8	47.0%	16	364,948.0	59.7	21,882,222.0
SHB	Ngân hàng Sài Gòn	Tài chính	79,011.7	4.7%	7	86,560.0	9.4	3,029,500.0
SSB	Ngân hàng Đông Nam Á	Tài chính	55,477.5	0.3%	6	12,300.0	1.4	1,841,100.0
PLX	Petrolimex	Năng lượng	44,216.6	15.8%				
LPB	Ngân hàng Lạc Phát	Tài chính	143,538.9	0.8%	8	224,390.0	12.1	4,584,598.0
SAB	SABECO	TD thiết yếu	58,549.0	58.4%				
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	78,884.8	38.1%				
STB	Sacombank	Tài chính	106,514.7	18.4%	20	670,190.0	56.4	13,790,910.0
TCB	Techcombank	Tài chính	274,237.5	22.5%	11	316,776.0	19.1	6,495,230.0
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	49,668.8	24.6%	5	69,297.0	7.8	2,370,300.0
VCB	Vietcombank	Tài chính	526,407.5	21.6%				
VHM	Vinhomes	Bất động sản	406,633.8	9.6%	17	1,148,550.0	19.9	3,961,400.0
VIB	VIBBank	Tài chính	67,399.3	5.0%	9	174,430.0	16.3	8,153,200.0
VIC	VinGroup	Bất động sản	631,894.5	3.7%	7	873,550.0	15.6	1,329,438.0
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	78,388.5	7.0%	2	17,450.0	1.7	868,900.0
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	127,696.3	49.2%	17	88,108.0	22.3	22,550,163.0
VPB	VPBank	Tài chính	241,191.3	24.4%	19	912,520.0	29.0	4,944,000.0
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	66,806.2	17.0%	17	304,450.0	12.5	9,132,583.0

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

Ghi chú: CW: Chứng quyền và TSCS: Tài sản cơ sở

Bảng 8. CW trên thị trường

(đồng, %)

Stt	Mã	CW			TSCS				% Premium	Số phiên còn lại	Ngày giao dịch cuối cùng
		Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Giá đóng cửa	TSCS	Giá thực hiện	Giá hòa vốn	Giá đóng cửa			
1	CVPB2506	1.9471 : 1	1,200	6,500	VPB	19,666	32,322	30,400	(5.2)	10	02/10/2025
2	CACB2505	2.5068 : 1	1,470	1,470	ACB	21,977	25,662	25,650	(0.0)	13	07/10/2025
3	CMWG2505	5.9149 : 1	1,720	3,090	MWG	60,135	78,412	77,900	(0.1)	13	07/10/2025
4	CSTB2505	3.0000 : 1	1,990	5,620	STB	40,000	56,860	56,500	(0.7)	13	07/10/2025
5	CVNM2504	5.7949 : 1	1,640	390	VNM	62,778	65,038	61,100	(5.5)	13	07/10/2025
6	CACB2507	1.6712 : 1	2,000	2,880	ACB	20,890	25,703	25,650	(0.2)	18	10/10/2025
7	CFPT2514	8.6247 : 1	2,300	340	FPT	103,495	106,427	97,500	(7.8)	18	10/10/2025
8	CHPG2519	1.6654 : 1	2,100	3,670	HPG	22,483	28,595	28,550	0.4	18	10/10/2025
9	CLPB2502	4.6575 : 1	1,100	2,940	LPB	34,466	48,159	48,050	(1.1)	18	10/10/2025
10	CMBB2512	1.5000 : 1	1,800	5,150	MBB	18,750	26,475	26,250	(0.1)	18	10/10/2025
11	CMSN2513	5.0000 : 1	2,200	3,500	MSN	65,000	82,500	82,200	(0.3)	18	10/10/2025
12	CMWG2512	4.9291 : 1	1,900	2,860	MWG	64,078	78,175	77,900	0.2	18	10/10/2025
13	CSTB2516	2.0000 : 1	3,000	6,650	STB	43,000	56,300	56,500	0.3	18	10/10/2025
14	CTCB2508	2.0000 : 1	2,100	3,410	TCB	32,000	38,820	38,700	(0.8)	18	10/10/2025
15	CVHM2513	5.0000 : 1	1,300	5,020	VHM	74,000	99,100	99,000	(0.3)	18	10/10/2025
16	CVIB2506	1.7565 : 1	1,600	2,420	VIB	15,808	20,059	19,800	(0.2)	18	10/10/2025
17	CVNM2512	4.8291 : 1	1,800	650	VNM	58,915	62,054	61,100	(1.0)	18	10/10/2025
18	CVPB2514	1.9471 : 1	1,500	6,750	VPB	17,524	30,667	30,400	(0.1)	18	10/10/2025
19	CVRE2514	2.0000 : 1	1,400	380	VRE	30,000	30,760	29,400	(5.4)	18	10/10/2025
20	CHPG2513	3.3309 : 1	1,000	980	HPG	25,721	28,985	28,550	(0.9)	24	16/10/2025
21	CMSN2507	10.0000 : 1	1,000	710	MSN	77,999	85,099	82,200	(3.3)	24	16/10/2025
22	CSTB2509	4.0000 : 1	1,000	3,370	STB	42,999	56,479	56,500	(0.0)	24	16/10/2025
23	CVHM2507	5.0000 : 1	1,000	9,760	VHM	53,333	102,133	99,000	(3.2)	24	16/10/2025
24	CVIC2506	5.0000 : 1	1,000	20,200	VIC	57,777	158,777	164,000	(1.2)	24	16/10/2025
25	CVRE2508	4.0000 : 1	1,000	2,300	VRE	20,888	30,088	29,400	(3.3)	24	16/10/2025
26	CHPG2508	1.6654 : 1	2,000	4,000	HPG	22,483	29,145	28,550	(1.5)	27	21/10/2025
27	CTCB2506	4.0000 : 1	1,100	3,670	TCB	25,000	39,680	38,700	(2.9)	27	21/10/2025
28	CVRE2505	2.0000 : 1	1,000	5,980	VRE	17,000	28,960	29,400	0.5	27	21/10/2025
29	CACB2503	1.6712 : 1	2,100	1,930	ACB	22,562	25,787	25,650	(0.5)	31	23/10/2025
30	CFPT2502	8.6247 : 1	2,400	110	FPT	146,619	147,568	97,500	(33.5)	31	23/10/2025
31	CHPG2504	1.6654 : 1	2,200	2,880	HPG	24,149	28,945	28,550	(0.8)	31	23/10/2025
32	CMBB2503	1.3033 : 1	1,900	7,230	MBB	16,943	26,366	26,250	0.3	31	23/10/2025
33	CMSN2503	5.0000 : 1	2,600	1,860	MSN	75,000	84,300	82,200	(2.4)	31	23/10/2025
34	CMWG2503	4.9291 : 1	2,400	3,300	MWG	62,106	78,372	77,900	(0.0)	31	23/10/2025
35	CSTB2504	2.0000 : 1	2,700	9,170	STB	38,000	56,340	56,500	0.2	31	23/10/2025
36	CTCB2503	2.0000 : 1	2,000	6,480	TCB	26,000	38,960	38,700	(1.1)	31	23/10/2025
37	CVHM2502	5.0000 : 1	1,300	10,950	VHM	45,000	99,750	99,000	(0.9)	31	23/10/2025
38	CVIB2502	1.6895 : 1	1,500	1,400	VIB	17,740	20,105	19,800	(0.5)	31	23/10/2025
39	CVIC2502	5.0000 : 1	1,300	22,900	VIC	45,000	159,500	164,000	(1.7)	31	23/10/2025
40	CVNM2502	4.7916 : 1	2,300	460	VNM	63,249	65,453	61,100	(6.1)	31	23/10/2025
41	CVPB2501	1.9471 : 1	1,600	5,650	VPB	19,471	30,472	30,400	0.6	31	23/10/2025
42	CVRE2503	2.0000 : 1	1,600	5,720	VRE	18,000	29,440	29,400	(1.2)	31	23/10/2025
43	CHPG2406	3.3309 : 1	1,300	1,690	HPG	23,316	28,945	28,550	(0.8)	32	24/10/2025
44	CFPT2404	12.8473 : 1	2,600	660	FPT	103,635	112,114	97,500	(12.5)	39	31/10/2025
45	CHPG2409	2.4982 : 1	2,300	3,170	HPG	20,818	28,737	28,550	(0.1)	39	31/10/2025

46	CMBB2407	1.3033 : 1	2,600	7,270	MBB	16,943	26,418	26,250	0.1	39	31/10/2025
47	CMSN2406	6.0000 : 1	2,700	1,310	MSN	79,000	86,860	82,200	(5.3)	39	31/10/2025
48	CMWG2407	5.9149 : 1	2,200	1,650	MWG	69,007	78,767	77,900	(0.5)	39	31/10/2025
49	CSTB2410	3.0000 : 1	2,200	6,200	STB	38,000	56,600	56,500	(0.2)	39	31/10/2025
50	CTCB2403	5.0000 : 1	1,200	2,580	TCB	26,000	38,900	38,700	(1.0)	39	31/10/2025
51	CVHM2408	4.0000 : 1	2,600	15,400	VHM	38,000	99,600	99,000	(0.8)	39	31/10/2025
52	CVIB2407	1.6895 : 1	2,400	2,850	VIB	15,205	20,020	19,800	(0.1)	39	31/10/2025
53	CVNM2407	5.7499 : 1	2,500	500	VNM	65,165	68,040	61,100	(9.7)	39	31/10/2025
54	CVPB2409	1.9471 : 1	1,800	4,810	VPB	21,418	30,784	30,400	(0.4)	39	31/10/2025
55	CVRE2407	2.0000 : 1	2,500	6,520	VRE	16,000	29,040	29,400	0.2	39	31/10/2025
56	CFPT2509	21.5616 : 1	1,000	230	FPT	120,744	125,703	97,500	(22.0)	54	17/11/2025
57	CHDB2504	4.0000 : 1	1,000	1,460	HDB	26,666	32,506	30,150	(7.3)	54	17/11/2025
58	CHPG2514	3.3309 : 1	1,000	1,020	HPG	26,369	29,767	28,550	(3.5)	54	17/11/2025
59	CMSN2508	10.0000 : 1	1,000	890	MSN	79,777	88,677	82,200	(7.2)	54	17/11/2025
60	CMWG2507	9.8582 : 1	1,000	1,480	MWG	65,720	80,310	77,900	(2.4)	54	17/11/2025
61	CSHB2504	1.7052 : 1	1,000	3,330	SHB	11,424	17,102	17,200	0.7	54	17/11/2025
62	CSSB2503	4.0000 : 1	1,000	370	SSB	22,345	23,825	19,500	(18.4)	54	17/11/2025
63	CSTB2510	4.0000 : 1	1,000	3,350	STB	43,999	57,399	56,500	(1.6)	54	17/11/2025
64	CVHM2508	5.0000 : 1	1,000	9,630	VHM	54,444	102,594	99,000	(3.7)	54	17/11/2025
65	CVIC2507	5.0000 : 1	1,000	17,300	VIC	58,888	145,388	164,000	7.9	54	17/11/2025
66	CVNM2508	7.7265 : 1	1,000	360	VNM	67,606	70,388	61,100	(12.7)	54	17/11/2025
67	CVPB2509	1.9471 : 1	1,100	4,730	VPB	22,066	31,276	30,400	(2.0)	54	17/11/2025
68	CVRE2509	4.0000 : 1	1,000	2,230	VRE	21,555	30,475	29,400	(4.5)	54	17/11/2025
69	CHPG2526	4.0000 : 1	1,000	980	HPG	27,111	31,031	28,550	(7.4)	68	01/12/2025
70	CLPB2504	4.0000 : 1	1,100	3,420	LPB	35,656	49,336	48,050	(3.5)	68	01/12/2025
71	CMSN2517	10.0000 : 1	1,000	730	MSN	86,688	93,988	82,200	(12.5)	68	01/12/2025
72	CSHB2507	1.7698 : 1	1,000	2,720	SHB	12,978	17,792	17,200	(3.2)	68	01/12/2025
73	CSSB2505	2.0000 : 1	1,000	1,050	SSB	20,222	22,322	19,500	(12.9)	68	01/12/2025
74	CSTB2522	5.0000 : 1	1,000	1,340	STB	54,567	61,267	56,500	(7.8)	68	01/12/2025
75	CVHM2517	5.0000 : 1	1,100	3,630	VHM	88,888	107,038	99,000	(7.7)	68	01/12/2025
76	CVIB2509	3.5130 : 1	1,000	1,160	VIB	18,388	22,463	19,800	(10.9)	68	01/12/2025
77	CVIC2510	8.0000 : 1	1,100	6,720	VIC	109,999	163,759	164,000	(4.2)	68	01/12/2025
78	CVJC2504	20.0000 : 1	1,000	1,950	VJC	97,979	136,979	132,500	(2.5)	68	01/12/2025
79	CVNM2516	8.0000 : 1	1,000	460	VNM	63,999	67,679	61,100	(9.2)	68	01/12/2025
80	CVPB2517	4.0000 : 1	1,000	3,000	VPB	19,999	31,999	30,400	(4.2)	68	01/12/2025
81	CVRE2517	2.0000 : 1	1,100	2,200	VRE	27,999	32,399	29,400	(10.2)	68	01/12/2025
82	CTCB2513	5.0000 : 1	1,100	1,150	TCB	41,888	47,638	38,700	(19.1)	70	03/12/2025
83	CHPG2521	3.3309 : 1	1,200	1,840	HPG	23,316	29,445	28,550	(2.5)	76	09/12/2025
84	CSHB2506	1.7698 : 1	1,400	2,810	SHB	12,565	17,538	17,200	(1.8)	76	09/12/2025
85	CSTB2518	4.0000 : 1	1,300	2,910	STB	44,000	55,640	56,500	1.5	76	09/12/2025
86	CACB2508	1.6712 : 1	2,100	2,700	ACB	21,726	26,238	25,650	(2.2)	80	11/12/2025
87	CFPT2515	8.6247 : 1	2,500	810	FPT	106,945	113,931	97,500	(13.9)	80	11/12/2025
88	CHPG2520	1.6654 : 1	2,200	3,630	HPG	23,316	29,361	28,550	(2.2)	80	11/12/2025
89	CLPB2501	4.6575 : 1	1,200	2,730	LPB	36,329	49,044	48,050	(2.9)	80	11/12/2025
90	CMBB2513	1.5000 : 1	1,900	4,890	MBB	19,500	26,835	26,250	(1.5)	80	11/12/2025
91	CMSN2514	5.0000 : 1	2,300	3,280	MSN	68,000	84,400	82,200	(2.5)	80	11/12/2025
92	CMWG2513	4.9291 : 1	2,200	2,960	MWG	66,050	80,640	77,900	(2.8)	80	11/12/2025
93	CSTB2517	2.0000 : 1	3,400	6,090	STB	45,000	57,180	56,500	(1.3)	80	11/12/2025

94	CTCB2509	2.0000 : 1	2,300	2,970	TCB	34,000	39,940	38,700	(3.6)	80	11/12/2025
95	CVHM2514	5.0000 : 1	1,600	5,970	VHM	72,000	101,850	99,000	(3.0)	80	11/12/2025
96	CVIB2505	1.7565 : 1	1,600	2,380	VIB	16,687	20,867	19,800	(4.1)	80	11/12/2025
97	CVNM2513	4.8291 : 1	1,900	940	VNM	60,846	65,385	61,100	(6.0)	80	11/12/2025
98	CVPB2515	1.9471 : 1	1,600	6,440	VPB	18,497	31,036	30,400	(1.2)	80	11/12/2025
99	CVRE2513	2.0000 : 1	1,600	1,160	VRE	30,000	32,320	29,400	(10.0)	80	11/12/2025
100	CHPG2515	3.3309 : 1	1,000	1,160	HPG	26,832	30,696	28,550	(6.4)	84	17/12/2025
101	CMSN2509	10.0000 : 1	1,000	930	MSN	81,999	91,299	82,200	(9.9)	84	17/12/2025
102	CSTB2511	4.0000 : 1	1,000	2,880	STB	44,999	56,519	56,500	(0.1)	84	17/12/2025
103	CVHM2509	5.0000 : 1	1,000	8,850	VHM	56,666	100,916	99,000	(2.1)	84	17/12/2025
104	CVIC2508	5.0000 : 1	1,000	18,070	VIC	60,999	151,349	164,000	3.6	84	17/12/2025
105	CVRE2510	4.0000 : 1	1,000	1,920	VRE	22,111	29,791	29,400	(2.3)	84	17/12/2025
106	CMBB2514	2.2500 : 1	2,100	4,000	MBB	18,000	27,000	26,250	(2.1)	88	19/12/2025
107	CMSN2515	8.0000 : 1	2,400	2,640	MSN	64,000	85,120	82,200	(3.3)	88	19/12/2025
108	CMWG2514	4.9291 : 1	2,650	3,380	MWG	63,092	79,752	77,900	(1.7)	88	19/12/2025
109	CTCB2510	3.0000 : 1	2,800	2,980	TCB	31,000	39,940	38,700	(3.6)	88	19/12/2025
110	CTPB2504	2.0000 : 1	1,800	3,430	TPB	13,000	19,860	18,800	(3.5)	88	19/12/2025
111	CVHM2515	5.0000 : 1	4,000	5,600	VHM	61,000	89,000	99,000	11.1	88	19/12/2025
112	CVIB2507	1.7565 : 1	2,400	3,260	VIB	14,930	20,656	19,800	(3.1)	88	19/12/2025
113	CVRE2515	2.0000 : 1	3,000	2,000	VRE	24,000	28,000	29,400	3.9	88	19/12/2025
114	CLPB2505	4.0000 : 1	1,100	3,340	LPB	36,688	50,048	48,050	(4.9)	101	02/01/2026
115	CFPT2505	8.6247 : 1	2,730	510	FPT	136,269	140,668	97,500	(30.3)	105	07/01/2026
116	CHPG2506	3.3309 : 1	1,220	1,960	HPG	23,150	29,679	28,550	(3.2)	105	07/01/2026
117	CTCB2504	6.0000 : 1	1,100	2,520	TCB	24,500	39,620	38,700	(2.8)	105	07/01/2026
118	CFPT2511	8.6247 : 1	2,400	910	FPT	106,945	114,793	97,500	(14.5)	108	08/01/2026
119	CMBB2509	1.5000 : 1	2,400	5,820	MBB	18,375	27,105	26,250	(2.5)	108	08/01/2026
120	CMSN2511	8.0000 : 1	1,700	2,970	MSN	59,000	82,760	82,200	(0.6)	108	08/01/2026
121	CMWG2509	7.8865 : 1	1,400	3,360	MWG	53,727	80,226	77,900	(2.3)	108	08/01/2026
122	CSTB2513	4.0000 : 1	2,000	4,790	STB	39,000	58,160	56,500	(2.9)	108	08/01/2026
123	CTPB2502	1.8644 : 1	1,400	3,540	TPB	13,051	19,651	18,800	(2.4)	108	08/01/2026
124	CVHM2510	4.0000 : 1	2,600	10,910	VHM	57,500	101,140	99,000	(2.3)	108	08/01/2026
125	CVIC2509	4.0000 : 1	3,000	25,150	VIC	68,000	168,600	164,000	(7.0)	108	08/01/2026
126	CVNM2510	7.7265 : 1	1,600	1,000	VNM	58,915	66,642	61,100	(7.8)	108	08/01/2026
127	CVPB2511	1.9471 : 1	2,000	6,680	VPB	18,011	31,018	30,400	(1.2)	108	08/01/2026
128	CACB2509	3.0000 : 1	1,800	2,030	ACB	20,500	26,590	25,650	(3.5)	119	21/01/2026
129	CFPT2516	8.6984 : 1	2,400	1,200	FPT	102,641	113,079	97,500	(13.2)	119	21/01/2026
130	CVNM2514	8.0000 : 1	1,700	1,300	VNM	56,000	66,400	61,100	(7.4)	119	21/01/2026
131	CLPB2506	5.0000 : 1	1,100	3,010	LPB	37,399	52,449	48,050	(9.2)	130	30/01/2026
132	CSHB2508	1.7698 : 1	1,000	2,870	SHB	13,174	18,253	17,200	(5.7)	130	30/01/2026
133	CSSB2506	2.0000 : 1	1,000	910	SSB	20,555	22,375	19,500	(13.1)	130	30/01/2026
134	CVNM2517	10.0000 : 1	1,000	510	VNM	66,888	71,988	61,100	(14.6)	130	30/01/2026
135	CVPB2518	4.0000 : 1	1,000	2,640	VPB	20,999	31,559	30,400	(2.9)	130	30/01/2026
136	CFPT2508	6.8997 : 1	4,900	640	FPT	133,682	138,098	97,500	(29.0)	132	03/02/2026
137	CHPG2510	2.4982 : 1	2,400	2,520	HPG	24,149	30,444	28,550	(5.7)	132	03/02/2026
138	CMBB2507	1.5000 : 1	3,000	6,060	MBB	18,000	27,090	26,250	(2.4)	132	03/02/2026
139	CFPT2519	6.9587 : 1	1,500	600	FPT	122,648	126,823	97,500	(22.6)	150	19/02/2026
140	CHPG2528	2.0000 : 1	1,100	1,760	HPG	30,000	33,520	28,550	(14.3)	150	19/02/2026
141	CMBB2518	1.5000 : 1	1,400	3,650	MBB	21,750	27,225	26,250	(2.9)	150	19/02/2026

142	CFPT2510	21.5616 : 1	1,000	590	FPT	132,819	145,540	97,500	(32.6)	150	19/02/2026
143	CHDB2505	4.0000 : 1	1,000	1,560	HDB	27,777	34,017	30,150	(11.4)	150	19/02/2026
144	CHPG2516	3.3309 : 1	1,000	1,290	HPG	27,572	31,869	28,550	(9.9)	150	19/02/2026
145	CMSN2510	10.0000 : 1	1,000	1,160	MSN	83,399	94,999	82,200	(13.4)	150	19/02/2026
146	CMWG2508	9.8582 : 1	1,000	1,340	MWG	71,964	85,174	77,900	(8.0)	150	19/02/2026
147	CSHB2505	1.7052 : 1	1,000	3,710	SHB	11,765	18,091	17,200	(4.8)	150	19/02/2026
148	CSSB2504	4.0000 : 1	1,000	580	SSB	23,123	25,443	19,500	(23.6)	150	19/02/2026
149	CSTB2512	4.0000 : 1	1,100	3,310	STB	45,999	59,239	56,500	(4.7)	150	19/02/2026
150	CVNM2509	7.7265 : 1	1,000	550	VNM	69,537	73,787	61,100	(16.7)	150	19/02/2026
151	CVPB2510	1.9471 : 1	1,100	6,150	VPB	23,040	35,015	30,400	(12.5)	150	19/02/2026
152	CLPB2507	5.0000 : 1	1,100	2,870	LPB	37,979	52,329	48,050	(9.0)	158	27/02/2026
153	CTPB2505	4.0000 : 1	1,000	1,560	TPB	15,678	21,918	18,800	(12.5)	158	27/02/2026
154	CVIB2510	3.5130 : 1	1,000	1,400	VIB	19,223	24,141	19,800	(17.1)	158	27/02/2026
155	CVJC2505	20.0000 : 1	1,000	1,930	VJC	106,868	145,468	132,500	(8.2)	158	27/02/2026
156	CHPG2522	2.4982 : 1	2,300	3,400	HPG	21,651	30,145	28,550	(4.7)	178	19/03/2026
157	CMBB2515	2.2500 : 1	1,750	3,190	MBB	20,250	27,428	26,250	(3.6)	178	19/03/2026
158	CSTB2520	3.0000 : 1	3,300	3,600	STB	48,000	58,800	56,500	(4.0)	178	19/03/2026
159	CTCB2511	3.0000 : 1	2,200	2,190	TCB	35,000	41,570	38,700	(7.3)	178	19/03/2026
160	CACB2502	1.6712 : 1	2,500	2,680	ACB	23,397	27,876	25,650	(7.9)	181	24/03/2026
161	CFPT2503	8.6247 : 1	2,800	460	FPT	155,243	159,210	97,500	(38.4)	181	24/03/2026
162	CHPG2505	1.6654 : 1	2,600	3,320	HPG	24,982	30,511	28,550	(5.9)	181	24/03/2026
163	CMBB2504	1.3033 : 1	2,300	7,420	MBB	17,594	27,264	26,250	(3.0)	181	24/03/2026
164	CMWG2504	4.9291 : 1	2,900	3,600	MWG	65,064	82,809	77,900	(5.4)	181	24/03/2026
165	CVNM2503	4.7916 : 1	2,600	1,030	VNM	66,123	71,058	61,100	(13.5)	181	24/03/2026
166	CVPB2502	1.9471 : 1	1,900	5,630	VPB	20,444	31,406	30,400	(2.4)	181	24/03/2026
167	CLPB2508	8.0000 : 1	1,100	1,510	LPB	38,688	50,768	48,050	(6.2)	189	01/04/2026
168	CSHB2509	1.7698 : 1	1,100	2,940	SHB	13,470	18,673	17,200	(7.8)	189	01/04/2026
169	CSSB2507	4.0000 : 1	1,000	590	SSB	20,999	23,359	19,500	(16.7)	189	01/04/2026
170	CVNM2518	10.0000 : 1	1,000	730	VNM	68,111	75,411	61,100	(18.5)	189	01/04/2026
171	CVPB2519	4.0000 : 1	1,000	2,660	VPB	21,888	32,528	30,400	(5.8)	189	01/04/2026
172	CMBB2505	2.2500 : 1	1,540	4,460	MBB	17,100	27,135	26,250	(2.6)	195	07/04/2026
173	CVHM2503	7.0000 : 1	1,480	8,340	VHM	42,000	100,380	99,000	(1.5)	195	07/04/2026
174	CVPB2504	2.9206 : 1	1,460	4,140	VPB	19,471	31,562	30,400	(2.9)	195	07/04/2026
175	CFPT2512	8.6247 : 1	2,800	1,070	FPT	108,670	117,898	97,500	(16.8)	199	09/04/2026
176	CHPG2517	1.6654 : 1	3,000	5,420	HPG	21,234	30,260	28,550	(5.1)	199	09/04/2026
177	CMBB2510	1.5000 : 1	2,800	6,220	MBB	18,375	27,705	26,250	(4.6)	199	09/04/2026
178	CMWG2510	7.8865 : 1	1,600	3,600	MWG	54,220	82,611	77,900	(5.1)	199	09/04/2026
179	CSTB2514	4.0000 : 1	2,200	4,800	STB	39,500	58,700	56,500	(3.8)	199	09/04/2026
180	CVHM2511	4.0000 : 1	3,000	11,350	VHM	58,000	103,400	99,000	(4.4)	199	09/04/2026
181	CVPB2512	1.9471 : 1	2,200	6,710	VPB	18,497	31,562	30,400	(2.9)	199	09/04/2026
182	CVRE2511	2.0000 : 1	2,300	5,060	VRE	21,500	31,620	29,400	(8.0)	199	09/04/2026
183	CHPG2527	4.0000 : 1	1,000	1,450	HPG	27,444	33,244	28,550	(13.6)	220	30/04/2026
184	CMSN2518	10.0000 : 1	1,100	1,610	MSN	89,999	106,099	82,200	(22.4)	220	30/04/2026
185	CSHB2510	1.7698 : 1	1,100	3,000	SHB	13,666	18,975	17,200	(9.3)	220	30/04/2026
186	CSSB2508	4.0000 : 1	1,000	670	SSB	21,666	24,346	19,500	(20.1)	220	30/04/2026
187	CSTB2523	8.0000 : 1	1,100	1,070	STB	56,868	65,428	56,500	(13.7)	220	30/04/2026
188	CVHM2518	8.0000 : 1	1,100	3,360	VHM	90,999	117,879	99,000	(16.2)	220	30/04/2026
189	CVIC2511	8.0000 : 1	1,100	7,460	VIC	113,979	173,659	164,000	(9.7)	220	30/04/2026

190	CVNM2519	10.0000 : 1	1,100	770	VNM	68,999	76,699	61,100	(19.9)	220	30/04/2026
191	CVPB2520	4.0000 : 1	1,000	2,620	VPB	22,222	32,702	30,400	(6.3)	220	30/04/2026
192	CVRE2518	4.0000 : 1	1,100	1,490	VRE	28,999	34,959	29,400	(16.8)	220	30/04/2026
193	CFPT2513	11.2120 : 1	1,700	740	FPT	116,433	124,730	97,500	(21.4)	236	18/05/2026
194	CHPG2518	2.4982 : 1	1,700	2,910	HPG	23,316	30,586	28,550	(6.1)	236	18/05/2026
195	CMBB2511	2.2500 : 1	1,800	3,720	MBB	18,750	27,120	26,250	(2.5)	236	18/05/2026
196	CMSN2512	7.0000 : 1	2,200	3,900	MSN	60,000	87,300	82,200	(5.8)	236	18/05/2026
197	CMWG2511	5.9149 : 1	2,400	3,380	MWG	63,092	83,084	77,900	(5.7)	236	18/05/2026
198	CSTB2515	3.0000 : 1	2,900	6,040	STB	40,000	58,120	56,500	(2.9)	236	18/05/2026
199	CTCB2507	3.0000 : 1	2,800	3,860	TCB	28,500	40,080	38,700	(3.9)	236	18/05/2026
200	CTPB2503	2.0000 : 1	1,700	3,330	TPB	13,000	19,660	18,800	(2.5)	236	18/05/2026
201	CVHM2512	4.0000 : 1	2,950	10,550	VHM	58,000	100,200	99,000	(1.4)	236	18/05/2026
202	CVIB2504	1.7565 : 1	1,900	2,500	VIB	16,687	21,078	19,800	(5.1)	236	18/05/2026
203	CVNM2511	6.0000 : 1	2,200	1,840	VNM	55,000	66,040	61,100	(6.9)	236	18/05/2026
204	CVPB2513	2.0000 : 1	2,500	6,700	VPB	18,000	31,400	30,400	(2.4)	236	18/05/2026
205	CVRE2512	2.0000 : 1	2,900	3,580	VRE	23,500	30,660	29,400	(5.1)	236	18/05/2026
206	CHPG2529	4.0000 : 1	1,000	1,290	HPG	28,050	33,210	28,550	(13.5)	241	21/05/2026
207	CMWG2517	8.8723 : 1	1,370	1,890	MWG	76,401	93,170	77,900	(15.9)	241	21/05/2026
208	CVHM2519	7.0000 : 1	1,500	2,790	VHM	108,200	127,730	99,000	(22.6)	241	21/05/2026
209	CVRE2519	4.0000 : 1	1,100	1,500	VRE	29,999	35,999	29,400	(19.2)	250	01/06/2026
210	CFPT2521	19.0000 : 1	1,190	590	FPT	122,500	133,710	97,500	(26.6)	270	19/06/2026
211	CHPG2530	3.0000 : 1	1,250	1,850	HPG	28,600	34,150	28,550	(15.9)	270	19/06/2026
212	CHPG2531	4.0000 : 1	1,000	1,390	HPG	29,900	35,460	28,550	(19.0)	270	19/06/2026
213	CMWG2516	7.8865 : 1	1,400	1,800	MWG	79,851	94,047	77,900	(16.7)	270	19/06/2026
214	CSTB2524	5.0000 : 1	1,390	2,360	STB	53,900	65,700	56,500	(14.1)	270	19/06/2026
215	CVRE2520	3.0000 : 1	1,500	1,590	VRE	32,700	37,470	29,400	(22.3)	270	19/06/2026
216	CACB2510	2.0000 : 1	1,800	2,700	ACB	22,500	27,900	25,650	(8.0)	270	19/06/2026
217	CFPT2517	8.6984 : 1	2,300	1,400	FPT	106,990	119,168	97,500	(17.7)	270	19/06/2026
218	CHPG2524	1.6654 : 1	2,500	4,500	HPG	23,733	31,227	28,550	(8.0)	270	19/06/2026
219	CLPB2503	4.0000 : 1	1,600	4,270	LPB	35,000	52,080	48,050	(8.6)	270	19/06/2026
220	CMBB2516	1.5000 : 1	2,200	5,490	MBB	19,875	28,110	26,250	(5.9)	270	19/06/2026
221	CMSN2516	4.0000 : 1	3,300	4,920	MSN	72,000	91,680	82,200	(10.3)	270	19/06/2026
222	CMWG2515	3.9433 : 1	3,100	4,970	MWG	67,035	86,633	77,900	(9.5)	270	19/06/2026
223	CSTB2521	4.0000 : 1	2,200	3,130	STB	50,000	62,520	56,500	(9.7)	270	19/06/2026
224	CTCB2512	2.0000 : 1	2,800	3,390	TCB	37,000	43,780	38,700	(12.0)	270	19/06/2026
225	CVHM2516	4.0000 : 1	3,400	7,590	VHM	79,000	109,360	99,000	(9.6)	270	19/06/2026
226	CVIB2508	1.7565 : 1	1,500	2,710	VIB	16,687	21,447	19,800	(6.7)	270	19/06/2026
227	CVNM2515	4.0000 : 1	2,300	2,380	VNM	60,000	69,520	61,100	(11.6)	270	19/06/2026
228	CVPB2516	2.0000 : 1	1,700	6,230	VPB	20,000	32,460	30,400	(5.6)	270	19/06/2026
229	CVRE2516	2.0000 : 1	2,800	3,540	VRE	26,000	33,080	29,400	(12.0)	270	19/06/2026
230	CHPG2523	2.4982 : 1	2,000	2,800	HPG	24,149	31,144	28,550	(7.8)	270	19/06/2026
231	CSTB2519	3.0000 : 1	3,000	3,570	STB	51,000	61,710	56,500	(8.5)	270	19/06/2026
232	CFPT2520	15.0000 : 1	1,310	810	FPT	131,400	143,550	97,500	(31.7)	300	21/07/2026
233	CHPG2532	3.0000 : 1	1,190	1,960	HPG	31,200	37,080	28,550	(22.5)	300	21/07/2026
234	CMWG2518	6.9007 : 1	1,370	2,330	MWG	82,611	98,690	77,900	(20.6)	300	21/07/2026
235	CSTB2525	4.0000 : 1	1,500	2,830	STB	57,200	68,520	56,500	(17.6)	300	21/07/2026
236	CTPB2506	2.0000 : 1	1,170	2,210	TPB	17,700	22,120	18,800	(13.3)	300	21/07/2026
237	CVHM2520	5.0000 : 1	1,500	4,510	VHM	111,900	134,450	99,000	(26.5)	300	21/07/2026

238	CVNM2520	7.0000 : 1	1,250	1,350	VNM	66,100	75,550	61,100	(18.6)	300	21/07/2026
239	CVPB2522	2.0000 : 1	1,250	4,800	VPB	24,650	34,250	30,400	(10.5)	300	21/07/2026
240	CVPB2521	3.0000 : 1	1,120	3,630	VPB	22,150	33,040	30,400	(7.2)	300	21/07/2026
241	CVRE2521	2.0000 : 1	1,500	2,400	VRE	35,700	40,500	29,400	(28.1)	300	21/07/2026
242	CACB2511	2.0000 : 1	2,000	2,950	ACB	23,000	28,900	25,650	(11.2)	362	21/09/2026
243	CFPT2518	8.6984 : 1	2,600	1,740	FPT	106,990	122,125	97,500	(19.7)	362	21/09/2026
244	CHPG2525	1.6654 : 1	2,800	4,790	HPG	24,149	32,126	28,550	(10.6)	362	21/09/2026
245	CMBB2517	1.5000 : 1	2,400	5,490	MBB	20,250	28,485	26,250	(7.2)	362	21/09/2026

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

CW: Chứng quyền, Sắp xếp theo Ngày giao dịch cuối cùng

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..